

Số: /STNMT-VP

Tây Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Về việc thông báo mã số và danh mục TTHC của Ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo Công văn số 5931/VP-KSTT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo mã số và danh mục TTHC của Ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo và công khai toàn bộ các thủ tục hành chính của Ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>, cụ thể: tổng số thủ tục hành chính được công khai là 146 TTHC (Trong đó: cấp tỉnh là 109 TTHC, cấp huyện là 31 TTHC, cấp xã là 06 TTHC).

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở biết, thực hiện TTHC và niêm yết công khai để tổ chức, cá nhân biết tìm kiếm, tra cứu (có *Danh mục TTHC kèm theo*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, VPS.

GIÁM ĐỐC

MÃ SỐ VÀ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Công văn số /STNMT-VP- ngày tháng năm 2018
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
I	CẤP TỈNH		
1	BTM-TNI-264892	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (TTHC cấp tỉnh)	Đất đai
2	BTM-TNI-264185	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh)	Đất đai
3	BTM-TNI-264732-10584	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
4	BTM-TNI-264734-10584	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
5	BTM-TNI-264769	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp (TTHC cấp tỉnh - đối với nơi chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai)	Đất đai
6	BTM-TNI-264891	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	Đất đai
7	BTM-TNI-264801	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
8	BTM-TNI-264810	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
9	BTM-TNI-264797	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
10	BTM-TNI-264800	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
11	BTM-TNI-264796	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt) (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
12	BTM-TNI-264795	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi	Môi trường

		trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt) (TTHC cấp tỉnh)	
13	BTM-TNI-264778	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
14	BTM-TNI-264893	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	Đất đai
15	BTM-TNI-264900	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
16	BTM-TNI-264901	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (TTHC cấp tỉnh)	Môi trường
17	BTM-TNI-264911	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
18	BTM-TNI-264913	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
19	BTM-TNI-264926	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Tài nguyên nước
20	BTM-TNI-264947	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí hậu thủy văn và biến đổi khí hậu
21	BTM-TNI-264979-10580	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
22	BTM-TNI-264982-10580	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản
23	BTM-TNI-264981-10580	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Địa chất và khoáng sản
24	BTM-TNI-264984-10580	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
25	BTM-TNI-264986-10580	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
26	BTM-TNI-264992-10580	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản
27	BTM-TNI-264993-10580	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
28	BTM-TNI-264994-10580	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
29	BTM-TNI-264995-10580	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản

30	BTM-TNI-264996-10580	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
31	BTM-TNI-264998-10580	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
32	BTM-TNI-264999-10580	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
33	BTM-TNI-265002-10580	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
34	BTM-TNI-265066	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.)	Đất đai
35	BTM-TNI-265068	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	Đất đai
36	BTM-TNI-265069	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai
37	BTM-TNI-265067	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)	Đất đai
38	BTM-TNI-265061	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (Cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
39	BTM-TNI-265065	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đất đai
40	BTM-TNI-265059	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước
41	BTM-TNI-265060	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước

42	BTM-TNI-265056	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước
43	BTM-TNI-265057	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước
44	BTM-TNI-265058	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước
45	BTM-TNI-265055	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm	Tài nguyên nước
46	BTM-TNI-265054	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	Tài nguyên nước
47	BTM-TNI-265053	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
48	BTM-TNI-265052	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
49	BTM-TNI-265051	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
50	BTM-TNI-265050	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
51	BTM-TNI-265049	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp
52	BTM-TNI-265040	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)	Môi trường
53	BTM-TNI-265039	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
54	BTM-TNI-265038-10580	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực) (Cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
55	BTM-TNI-265005-10580	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
56	BTM-TNI-265004-10580	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
57	BTM-TNI-265003-10580	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản
58	BTM-TNI-	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình	Đất đai

	265095	thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	
59	BTM-TNI-265096	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
60	BTM-TNI-265097	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
61	BTM-TNI-265098	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
62	BTM-TNI-265099	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
63	BTM-TNI-265101	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
64	BTM-TNI-265102	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, co thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
65	BTM-TNI-265103	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
66	BTM-TNI-265104	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
67	BTM-TNI-265107	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai
68	BTM-TNI-265108	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
69	BTM-TNI-265109	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai
70	BTM-TNI-265110	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai
71	BTM-TNI-265111	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng	Đất đai

		ký quyền sử dụng đất lần đầu (643)	
72	BTM-TNI-265112	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (643)	Đất đai
73	BTM-TNI-265113	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.(643)	Đất đai
74	BTM-TNI-265114	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai
75	BTM-TNI-265115	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai
76	BTM-TNI-265116	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Đất đai
77	BTM-TNI-265080	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Đất đai
78	BTM-TNI-265081	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đất đai
79	BTM-TNI-265079	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai
80	BTM-TNI-265076	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
81	BTM-TNI-265077	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
82	BTM-TNI-265078	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai
83	BTM-TNI-265082	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai
84	BTM-TNI-265083	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
85	BTM-TNI-265084	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai

86	BTM-TNI-265085	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
87	BTM-TNI-265086	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
88	BTM-TNI-265087	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai
89	BTM-TNI-265088	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai
90	BTM-TNI-265089	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp *(cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
91	BTM-TNI-265090	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai
92	BTM-TNI-265092	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
93	BTM-TNI-265093	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
94	BTM-TNI-265094	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
95	BTM-TNI-265100	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
96	BTM-TNI-265120	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Đất đai
97	BTM-TNI-265118	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai
98	BTM-TNI-	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình	Đất đai

	265117	thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
99	BTM-TNI-265151	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
100	BTM-TNI-265152	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (cấp tỉnh - trường hợp chưa thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
101	BTM-TNI-265153	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)	Đất đai
102	BTM-TNI-0	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)	Đất đai
103	BTM-TNI-265171-10586	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám	Viễn thám
104	BTM-TNI-265174-10580	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản
105	BTM-TNI-	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp tỉnh - trường	Đất đai

	265074	hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	
106	BTM-TNI-265075	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Đất đai
107	BTM-TNI-264946	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí hậu , thủy văn và biến đổi khí hậu
108	BTM-TNI-264945	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí hậu , thủy văn và biến đổi khí hậu
109	BTM-TNI-264814	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ (TTHC cấp tỉnh)	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
II	CẤP HUYỆN		
1	BTM-TNI-264790	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (Cấp huyện)	Môi trường
2	BTM-TNI-264917	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	Đất đai
3	BTM-TNI-264918	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	Đất đai
4	BTM-TNI-264925	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	Tài nguyên nước
5	BTM-TNI-265127	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
6	BTM-TNI-265126	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai
7	BTM-TNI-265128	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai
8	BTM-TNI-265129	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai

9	BTM-TNI-265125	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai
10	BTM-TNI-265130	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai
11	BTM-TNI-265131	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đất đai
12	BTM-TNI-265132	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai
13	BTM-TNI-265133	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai
14	BTM-TNI-265134	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
15	BTM-TNI-265135	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai
16	BTM-TNI-265136	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai
17	BTM-TNI-265137	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai
18	BTM-TNI-265138	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai
19	BTM-TNI-265124	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Đất đai
20	BTM-TNI-265123	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Đất đai
21	BTM-TNI-265121	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	Đất đai
22	BTM-TNI-265139	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.(643)	Đất đai
23	BTM-TNI-265140	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai
24	BTM-TNI-265141	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai
25	BTM-TNI-265142	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung	Đất đai

		vợ và chồng.	
26	BTM-TNI-265143	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai
27	BTM-TNI-265144	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Đất đai
28	BTM-TNI-265145	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai
29	BTM-TNI-265146	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai
30	BTM-TNI-265147	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai
31	BTM-TNI-265148	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Đất đai
III	CẤP XÃ		
1	BTM-TNI-264791	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường
2	BTM-TNI-264792	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường
3	BTM-TNI-264928	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (THTC cấp xã)	Môi trường
4	BTM-TNI-265047	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường
5	BTM-TNI-265149	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	Đất đai
6	BTM-TNI-265165	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường